TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 7 - 2020

V/v tranh chấp "*Ly hôn,*

tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.

2. Bà Lâm Thị Kim Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Nhựt- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 11/2020/TLDS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXHNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hải V, sinh năm 1983.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Số nH 16, đường V, khu phố 3, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà V có mặt, ông H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Trương Thị Hải V, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu của nguyên đơn - Bà Trương Thị Hải V trình bày: Vào năm 2003, bà V và ông H yêu thương nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới. Ngày 27 tháng 3 năm 2003, bà V và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa (nay là thị xã K), tỉnh Long An. Bà V và ông H tự nguyện kết hôn, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông H không chí thú làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung rồi sinh ra cãi vã thường xuyên. Sự việc này cứ lặp đi lặp lại và kéo dài đến nay. Từ tháng 12 năm 2018 đến nay, bà V và ông H vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên bà V xin ly hôn với ông H, trả lại tự do cho nhau; về con chung: Bà V xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Vũ Chí H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2004, giới tính nam; Vũ Thị Thu H2, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2011, giới tính nữ và Vũ Huy H3, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2018, giới tính nam. Khi ly hôn, bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1, cháu H2, cháu H3 đến tròn 18 tuổi. Bà V không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 người con chung vì bà V đủ điều kiện nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi nhận được hồ sơ khởi kiện của bà V, Tòa án nhân dân thị xã K tiến Hnh thụ lý giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã tống đạt hợp lệ cho ông H nhưng ông H không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo các thông báo của Tòa án. Đồng thời, ông H cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của ông H cho Tòa án biết về việc bà V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H. Do đó, các phiên hòa giải không thể tiến Hnh được theo quy định pháp luật nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà V tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, cụ thể là: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử cho bà V được ly hôn với ông H; về quan hệ con chung đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu H1, cháu H2, cháu H3 cho bà V nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi vì cháu H1, cháu H2 có nguyện vọng được sống chung với bà V và không buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu H2, cháu H3; về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác định và cam kết trong thời kỳ

hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là ông H có địa chỉ tại phường 1, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông H tại phiên tòa: Ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt ông H là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hiện nay, bà V và ông H vẫn sống chung nH nhưng không ai quan tâm đến ai, tự làm tự sống, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sat nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà V, xử cho bà V được ly hôn với ông H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà V vẫn xin được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 03 người con chung đến tròn 18 tuổi và không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bởi vì, hiện tại bà V làm nghề buôn bán, công việc ổn định, thu nhập trung bình được khoảng 10.000.000 đồng/tháng, nH bà V gần trường học, tiện việc đưa đón con đi học. Đồng thời, cháu H1, cháu H2 có nguyện vọng sống chung với bà V khi bà V và ông H ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K là tiếp tục giao cháu H1, cháu H2, cháu H3 cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi và không buộc ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H1, cháu H2, cháu H3 là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác định và cam kết trong thời kỳ hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà V phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nH nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị Hải V, xử cho bà Trương Thị Hải V được ly hôn với ông Vũ Mạnh H.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao 03 người con chung tên Vũ Chí H1, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2004, giới tính nam; Vũ Thị Thu H2, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2011, giới tính nữ và Vũ Huy H3, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2018, giới tính nam cho bà Trương Thị Hải V được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tròn 18 tuổi.

Ông Vũ Mạnh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi ba người con chung.

Ông Vũ Mạnh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Vũ Mạnh H thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con thì theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc bà Trương Thị Hải V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nH nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007440 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi Hnh án dân sự thị xã K. Bà Trương Thị Hải V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi Hnh án dân sự; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND thị xã K;*
- *Chi cục THADS thị xã K;*
- *Đương sự;*
- *UBND phường 1;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu